

Bản án số: 37/2022/DS-PT

Ngày 31-8-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thu Lan

*Các Thẩm phán:*

Ông Võ Minh Tiến

Ông Trần Mười

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:** Bà Trần Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 6 và ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2021/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2022/QĐ-PT ngày 12/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 59/2022/QĐ-PT ngày 05/5/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 35/2022/QĐ-PT ngày 02/6/2022, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 424/TB-TA ngày 04/7/2022, Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số 448/TB-TA ngày 14/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 102/2022/QĐ-PT ngày 03/8/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị E - sinh năm 1942; cư trú tại đội 5, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Thiệu Quang V - sinh năm 1946; cư trú tại tổ 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và anh Phạm Ngọc P - sinh năm 1965; cư trú tại thôn 2A, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 18/11/2020 và ngày 08/12/2020).

**- Bị đơn:** Ông Phạm L - sinh năm 1954; cư trú tại đội 5, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Ngọc H - sinh năm 1977; cư trú tại đội 5, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm L là bị đơn và anh Phạm Ngọc H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Ông V, anh P, anh H có mặt tại các phiên tòa; ông L có mặt tại phiên tòa ngày 02/6/2020, vắng mặt tại phiên tòa ngày 31/8/2022).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2020; Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 23/10/2020 và ngày 16/11/2020; các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị E do ông Thiệu Quang V và anh Phạm Ngọc P là người đại diện theo ủy quyền cùng trình bày:*

Ông Phạm L là em chồng của bà Nguyễn Thị E. Cha, mẹ chồng của bà E có 02 con chung là ông Phạm Ngọc M (chồng bà E) và ông Phạm L. Bà E về làm vợ ông M từ trước năm 1964.

Nguồn gốc thửa đất số 99, diện tích 234m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 29 (đo vẽ năm 1996), xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 99) hiện đang tranh chấp là của ông bà, cha mẹ chồng của bà E để lại, tương ứng qua Bản đồ 299/TTg thuộc thửa đất số 923, tờ bản đồ số 04, diện tích 420m<sup>2</sup> (T), (viết tắt là thửa 923). Khi bà E về làm dâu thì ở chung nhà với cha, mẹ chồng. Năm 1965, ông M chết. Năm 1972, cha chồng cho bà E phần đất phía Bắc thửa 923, tức thửa 99; cho ông L phần đất ở phía Nam thửa 923, tức thửa đất số 100, diện tích 216m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 29 (đo vẽ năm 1996), xã T (viết tắt là thửa 100). Năm 1972, bà E làm nhà ở trên phần đất được cho thuộc thửa 99 cho đến nay. Quá trình quản lý, sử dụng đất, bà E đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg đối với phần đất được cho. Phần đất thuộc thửa 100, các con của ông L là anh Phạm Ngọc T và anh Phạm Ngọc H đang quản lý, sử dụng làm nhà ở. Thửa 99 và thửa 100, hiện chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Khi bà E làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, ông L gửi đơn tranh chấp nên Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Q trả lại hồ sơ cho bà E.

Theo Bản đồ đo vẽ năm 2016, thửa 99 biến động thành thửa đất số 216, diện tích 100,1m<sup>2</sup> (viết tắt là thửa 216) và thửa đất 385, diện tích 100,5m<sup>2</sup> (viết tắt là thửa 385), cùng tờ bản đồ số 22, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà E đã quản lý, sử dụng thửa 99 H 48 năm không ai tranh chấp; H nữa đất của cha, mẹ chồng để lại đã hết thời hiệu chia thừa kế. Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định khi hết thời hạn yêu cầu chia thừa kế thì di sản thừa kế thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản; trường hợp không có người thừa kế đang quản lý di sản thì di sản thuộc quyền sở hữu của người đang chiếm hữu theo quy định của Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, bà E yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định bà Nguyễn Thị E được quyền quản lý, sử dụng thửa 99, nay là thửa 216 và thửa 385.

*\* Bị đơn là ông Phạm L trình bày:*

Nguồn gốc thửa 99 là của ông, bà để lại cho cha, mẹ của ông. Cha, mẹ của ông chết, để lại cho ông. Cha của ông là cụ Phạm Bích (chết năm 1984), mẹ của ông là Nguyễn Thị Mắm (chết năm 1969). Cha, mẹ của ông có 04 người con là ông Phạm Ngọc M (chết năm 1965, có vợ là bà E và các con là anh Phạm Ngọc P, chị Phạm Thị Đúng), bà Phạm Thị Trợ (chết lúc nhỏ, chưa có chồng con), ông Phạm Láo (chết năm 1970, chưa có vợ con) và ông là Phạm L.

Bà E về làm vợ ông M vào năm 1961. Khi bà E về làm dâu, ở chung nhà với cha, mẹ chồng, ông và ông Láo. Năm 1965, ông M chết. Năm 1973, cha ông dỡ nhà cũ, làm lại nhà hiện bà E đang ở. Năm 1975, ông cưới vợ; vợ chồng ông ở chung nhà với cha (do lúc đó mẹ của ông đã chết) và mẹ, con của bà E. Năm nào ông không nhớ rõ, nhưng khoảng năm 1979 - 1980, cha của ông chỉ đất cho ông và nói rằng mỗi thửa ở mỗi phía, bà E ở phần đất phía Bắc có nhà của cha ông làm, do con trai của bà E là cháu đích tôn nên ở để thờ cúng; ông làm nhà ở phần đất phía Nam và quản lý, sử dụng cho đến nay. Trong quá trình quản lý, sử dụng ông có đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg, nộp thuế cho Nhà nước đối với toàn bộ thửa đất, trong đó có phần đất hiện đang tranh chấp. Ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nhà bà E đang ở là do cha của ông xây dựng vào năm 1973 cho Tòa án.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà E. Nhà, đất bà E đang quản lý, sử dụng là của ông bà, cha mẹ để lại cho ông quản lý để thờ cúng. Nếu bà E không muốn ở nữa thì chỉ được chuyển quyền cho con, cháu trong nhà. Ai ở thì có nghĩa vụ thờ cúng.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Ngọc H trình bày:* Anh là con của ông Phạm L. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh có bỏ tiền để xây dựng tường rào, công ngõ trên phần đất bà E đang quản lý, sử dụng nhưng anh không yêu cầu bà E thanh toán lại những chi phí trên.

*\* Bản án số 54/DS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị E được quyền sử dụng đất phần phía Bắc của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 29 (đo vẽ năm 1996), nay là thửa đất số 216, diện tích 101,3m<sup>2</sup> và thửa đất số 385, diện tích 95,5m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 22 (đo vẽ năm 2016), xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Nguyễn Thị E có quyền, nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

*\* Ngày 03/12/2021, ông Phạm L và anh Phạm Ngọc H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án số 54/DS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm c khoản 2*

Điều 189, điểm b khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn là ông Phạm L vắng mặt tại phiên tòa ngày 31/8/2022 là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của ông Phạm L và anh Phạm Ngọc H đảm bảo về thời hạn, chủ thể và nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được xem xét.

Về nội dung: Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm L và anh Phạm Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 54/DS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, nhưng sửa lại cách tuyên án cho phù hợp. Các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Ngày 22/11/2021, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử vụ án nêu trên. Ngày 03/12/2021, ông Phạm L và anh Phạm Ngọc H có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa ngày 02/6/2022, ông L có mặt. Quá trình tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ nên đã tạm ngừng phiên tòa. Tòa án đã có Thông báo về việc mở lại phiên tòa và Thông báo về việc chuyển ngày xét xử vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 03/8/2022, nhưng ông L vắng mặt (có đơn xin hoãn phiên tòa), nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 31/8/2022, nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì người kháng cáo (ông L) được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông L. Tuy nhiên, phiên tòa ngày 02/6/2022 ông L có mặt; ông L đã trình bày nội dung kháng cáo. Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt

ông L, mà không đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Phạm L và anh Phạm Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2020 (bút lục 20), các đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2020 (bút lục 37) và ngày 16/11/2020 (bút lục 44) của bà Nguyễn Thị E có nội dung: Yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được quyền sử dụng thửa 99; ở phần cuối đơn, bà E điểm chỉ, nhưng không có người làm chứng ký xác nhận vào đơn khởi kiện của bà E là không đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi với bà Nguyễn Thị E, có sự tham gia chứng kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân + Công an xã T, thành phố Q, anh Phạm Ngọc H và anh Phạm Ngọc P thể hiện: *Bà E xác định có điểm chỉ vào các đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Q về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng phần diện tích phía Bắc của thửa 99 đối với bị đơn là ông Phạm L; bà E xác định có điểm chỉ vào các văn bản ủy quyền cho ông Thiệu Quang V và anh Phạm Ngọc P.* Như vậy, mặc dù về hình thức đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của bà E không đúng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng bản thân bà E đã xác định bà là người điểm chỉ vào các đơn khởi kiện; nội dung yêu cầu khởi kiện trong các đơn khởi kiện là phù hợp với ý chí của bà E. Do đó, tuy Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót khi xử lý đơn khởi kiện, nhưng thiếu sót này không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông L và anh H về việc yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189, điểm b khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3.2] Các đương sự đều thừa nhận: Cố Phạm K và cố Huỳnh Thị T có nhiều người con, còn cụ thể bao nhiêu người con thì các đương sự không biết, nhưng đều đã chết khi còn nhỏ, chưa có gia đình, chỉ còn 01 người con là cụ Phạm B. Cụ Phạm B (chết năm 1984), có vợ là cụ Nguyễn Thị M (chết năm 1969). Cụ B và cụ M có 04 người con là ông Phạm Ngọc M (chết năm 1965, có vợ là bà Nguyễn Thị E và các con là anh Phạm Ngọc P, chị Phạm Thị Đ); ông Phạm L; bà Phạm Thị T và ông Phạm L (đều chết lúc còn nhỏ, chưa có gia đình). Các đương sự còn thừa nhận thửa 99, nay là thửa 385 và thửa 216 là của cụ B và cụ M để lại. Khi còn sống, cụ B cho bà E phần đất ở phía Bắc thửa 923 (sau đó biến động thành thửa 99, nay là thửa 385 và thửa 216); cho ông L phần đất ở phía Nam của thửa 923 (sau đó biến động thành thửa 100). Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà E (do người đại diện theo ủy quyền) cho rằng: Sau khi được cụ B cho đất, cũng trong năm 1972 bà E làm nhà gắn liền với thửa 99 ở cho đến nay; phần đất ông L được cụ B cho, ông L cho hai

con trai của ông L là anh Phạm Ngọc H và anh Phạm Ngọc T làm nhà ở. Quá trình bà E sử dụng đất, ông L không có ý kiến hay tranh chấp gì, chỉ đến khi bà E làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thì ông L ngăn cản, nên bà E yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được quyền sử dụng thửa 99. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà E điều chỉnh lại yêu cầu là yêu cầu Tòa án xác định cho bà được quyền quản lý, sử dụng thửa 99, nay là thửa 385 và thửa 216.

[3.4] Ông L thừa nhận bà E quản lý, sử dụng thửa 99 từ năm 1973 đến nay, ông đồng ý để bà E quản lý, sử dụng nhưng do thửa 99 là của ông, bà nội của ông để lại để làm nhà thờ; bà E có quyền ở, làm nhà và chỉ được chuyển nhượng cho con, cháu trong gia đình ông, không được chuyển nhượng cho người khác, trong trường hợp bà E không còn nhu cầu sử dụng. Ông L còn cho rằng ngôi nhà hiện bà E đang ở là do cha của ông và ông cùng làm. Tuy nhiên, ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của ông là có căn cứ và không được bà E thừa nhận. Mặt khác, phần đất gia đình bà E và gia đình ông L quản lý, sử dụng đã có tường rào, cổng ngõ riêng biệt, kiên cố. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà E là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với thực tế sử dụng đất của bà E.

[3.5] Ông L còn cho rằng thửa 923 chỉ do một mình ông đứng tên đăng ký kê khai trong Sổ đăng ký ruộng đất, thì thấy rằng:

[3.5.1] Tại Công văn số 2176/CNTPQN ngày 22/10/2020 và Công văn số 1512/CNTPQN ngày 03/8/2021 (viết tắt là Công văn số 1512) của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thành phố Q về việc cung cấp thông tin cho bà E (bút lục 31) và ông L (bút lục 151) xác định: ***Ông L là người đứng tên đăng ký kê khai trong Sổ đăng ký ruộng đất và Sổ mục kê đối với thửa 923.***

[3.5.2] Công văn số 794/CNTPQN ngày 26/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thành phố Q về việc cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân thành phố Q (bút lục 109) xác định: ***Ông L là người đứng tên đăng ký kê khai trong Sổ mục kê đối với thửa 923; ông L và bà E là người đứng tên đăng ký kê khai trong Sổ đăng ký ruộng đất đối với thửa 923.***

[3.5.3] Ngày 09/8/2021, Tòa án nhân dân thành phố Q có Quyết định số 119/2021/QĐ-CCTLCC về việc yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thành phố Q cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ (bút lục 157). Ngày 17/8/2021, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thành phố Q có Công văn số 1632/CNTPQN về việc cung cấp thông tin cho Tòa án (bút lục 155) đã xác định: ***Công văn số 1512 về việc cung cấp thông tin cho ông L có sai sót nội dung tại Sổ đăng ký ruộng đất (5b) ghi Phạm L. Tuy nhiên, qua kiểm tra đối chiếu lại sổ 5b thì do Phạm L + Nguyễn Thị E kê khai đăng ký.***

[3.5.4] Ngày 01/6/2022, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thành phố Q có Công văn số 863/CNTPQN về việc cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là Công văn số 863), cũng xác định: ***Ông L và***

***bà E là người đứng tên đăng ký kê khai trong Sổ đăng ký ruộng đất đối với thửa 923.***

[3.5.5] Đến tại thời điểm ngày 31/8/2022 (ngày xét xử phúc thẩm), ông L vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa 923 chỉ do một mình ông đứng tên đăng ký kê khai trong Sổ đăng ký ruộng đất, nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông L.

[3.6] Ngoài ra, tại Công văn số 863 còn có nội dung: .. *Thửa 99, đối chiếu bản đồ đo vẽ năm 2016 thuộc thửa 216, 385 và một phần thửa đất số 170, tờ bản đồ số 22, diện tích 118,9m<sup>2</sup> (viết tắt là thửa 170)...* Tại phiên tòa phúc thẩm, bà E xác định chỉ yêu cầu Tòa án xác định cho bà được quyền quản lý, sử dụng thửa 216 và thửa 385, bà không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với một phần thửa 170 thuộc thửa 99, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.7] Anh H kháng cáo cho rằng một phần móng nhà của anh làm lấn sang thửa 385 (một phần thửa 99), thì thấy rằng:

[3.7.1] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2021 (bút lục 83), không thể hiện trên phần đất tranh chấp có phần móng nhà của anh H, trong khi đó anh H có tham gia chứng kiến việc xem xét, thẩm định của Tòa án.

[3.7.2] Tại Biên bản làm việc ngày 07/4/2022 (bút lục 227, 228) cũng thể hiện: ... *khi kiểm tra hiện trạng chưa xác định được để móng nhà hiện anh H đang quản lý, sử dụng nằm trên phần đất mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định cho bà E được quyền quản lý, sử dụng.*

[3.7.3] Sau khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và sau khi tạm ngừng phiên tòa, Tòa án đã có Văn bản số 234/TA-DS ngày 12/4/2022, số 308/TA-DS ngày 22/6/2022 và tại phiên tòa ngày 31/8/2022, anh H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh một phần móng nhà của anh H gắn liền với thửa 99 hiện đang tranh chấp và không được bà E thừa nhận, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Trường hợp sau khi xét xử phúc thẩm, anh H có tài liệu, chứng cứ chứng minh một phần móng nhà của anh gắn liền với thửa 99 hiện đang tranh chấp, mà anh H và gia đình bà E không tự thỏa thuận giải quyết, thì anh H có quyền khởi kiện thành một vụ án khác, khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông L và anh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận cho bà E được quyền sử dụng thửa 99 là không chính xác vì Tòa án không có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bà E đã điều chỉnh lại yêu cầu là yêu cầu Tòa án xác định cho bà được quyền quản lý, sử dụng thửa 99. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa 385 và thửa 216 thuộc phía Bắc thửa 99 là có sự nhầm lẫn, vì theo Công văn số 863 thì thửa 99 được biến động thành thửa 385, thửa 216 và một phần thửa 170. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà E đã xác định không tranh

chấp một phần thửa 170, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do đó, cần sửa lại cách tuyên cho phù hợp.

[4] Về án phí: Ông L và anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 236, 357, 468, 623 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm L và anh Phạm Ngọc H, giữ nguyên bản án số 54/2021/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; sửa lại cách tuyên án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E: Xác định bà Nguyễn Thị E được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 99, tờ bản đồ số 29 (đo vẽ năm 1996), nay là thửa đất số 216, diện tích 101,3m<sup>2</sup> và thửa đất số 385, diện tích 95,5m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 22 (đo vẽ năm 2016), xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Phần đất bà Nguyễn Thị E được quyền quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

Bà Nguyễn Thị E có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với phần đất được quyền quản lý, sử dụng theo qui định của pháp luật.

#### **2. Về án phí:**

2.1. Bà Nguyễn Thị E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị E 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2018/0006610 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Ông Phạm L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Ông Phạm L và anh Phạm Ngọc H, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, mỗi người là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo biên lai số 0000315 ngày 27/12/2021 và số 0000324 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Phạm L và anh Phạm Ngọc H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.800.000đồng, chi phí đo đạc 3.700.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 7.000.000đồng. Tổng cộng là 13.500.000đồng. Ông Phạm L phải chịu. Bà Nguyễn Thị E đã nộp và chi phí xong, nên



ông Phạm L phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị E số tiền 13.500.000đồng (*mười ba triệu, năm trăm ngàn*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trịnh Thị Thu Lan**